

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Phương pháp đánh giá: Đạt/Không đạt

Sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| 1.1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng: Đề xuất danh sách vật tư, vật liệu theo phạm vi hồ sơ thiết kế được duyệt. Vật tư, vật liệu phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành | Có bảng kê khai đầy đủ, chi tiết chủng loại có thương hiệu cụ thể, nguồn gốc xuất xứ các loại vật tư, vật liệu chính (<i>Cát nền, cát vàng, đá các loại, nhựa đường, thép tròn, thép hình, thép tấm, xi măng PCB40, sơn dẻo nhiệt, Vải địa kỹ thuật...theo chương V E-HSMT</i>) và hợp đồng nguyên tắc kèm theo đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp. Tất cả vật tư, vật liệu đáp ứng được yêu cầu của hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Không có bảng kê khai hoặc có bảng kê khai nhưng không đầy đủ vật tư, vật liệu chính hoặc vật tư vật liệu chính không nêu thương hiệu, không đáp ứng được yêu cầu của hồ sơ thiết kế hoặc không có hợp đồng nguyên tắc kèm theo đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp hoặc vật tư, vật liệu không đáp ứng yêu cầu của hồ sơ thiết kế. | Không đạt |
| 1.2. Tổ chức mặt bằng công trường: Vị trí ban chỉ huy, lán trại công nhân, kho bãi tập | Có thuyết minh kèm theo bản vẽ về tổ chức mặt bằng công trường đầy đủ nội dung yêu cầu, hợp lý, phù hợp với điều | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp điện, cấp nước, thoát nước, phương án tổ chức giao thông, thông tin liên lạc trong quá trình thi công. | kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng mặt bằng công trình thi công | |
| | Không có hoặc có thuyết minh và bản vẽ kèm theo về tổ chức mặt bằng công trường nhưng không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng mặt bằng công trình thi công. | Không đạt |
| 1.3. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công: Bao gồm các nội dung yêu cầu tại Chương V-E.HSMT: | <p>Có thuyết minh biện pháp thi công và bản vẽ biện pháp thi công từng nội dung công việc, từng công tác thi công chính theo yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ thiết kế được duyệt hợp lý, phù hợp với tiến độ thi công và hiện trạng công trình thi công.</p> <p>Cụ thể cho các hạng mục và công tác chính:</p> <p>I. Định vị mặt bằng</p> <p>II. Công tác gia cố ao mương</p> <p>III. Thi công đắp lè đất.</p> <p>IV. Kết cấu mặt đường mở rộng (làm mới):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thi công lớp cát bù vênh lòng đường $K=0.95$ 2. Thi công lót vải địa kỹ thuật loại 1, $R \geq 12 \text{ KN/m}$. 3. Thi công lớp cát đệm $K=0.98$ dày 50cm. 4. Thi công lót vải địa kỹ thuật loại 2, $R \geq 20 \text{ KN/m}$. 5. Thi công lớp cấp phối loại 2 dày 20cm, $K \geq 0.98$. 6. Thi công lớp đá dăm tiêu chuẩn dày 10cm, $K \geq 0.98$. 7. Thi công Láng nhựa 3 lớp dày 3.5cm, tiêu chuẩn nhựa 4.5kg/m² <p>V. Kết cấu nâng cấp:</p> | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|------------------------|--|-------------------------|
| | <p>1. Cày xới, tạo nhám nền mặt đường hiện hữu</p> <p>2. Bù vênh đá dăm tiêu chuẩn, $K \geq 0.98$</p> <p>3. Đá dăm tiêu chuẩn dày 10cm, $K \geq 0.98$</p> <p>4. Láng nhựa 3 lớp dày 3.5cm, tiêu chuẩn nhựa 4.5kg/m²</p> <p>VI. Kết cấu đường dân sinh (vuốt nổi):</p> <p>1. Bù vênh cấp phối đá dăm loại 2</p> <p>2. Đá dăm tiêu chuẩn dày 10cm, $K \geq 0.98$</p> <p>3. Láng nhựa 3 lớp dày 3.5cm, tiêu chuẩn nhựa 4.5kg/m²</p> <p>VII. Tín hiệu giao thông:</p> <p>1. Biển báo giao thông.</p> <p>2. Vạch sơn giao thông và vạch giảm tốc.</p> <p>Thuyết minh biện pháp thi công và bản vẽ biện pháp thi công đầy đủ từng hạng mục và từng công tác theo yêu cầu nêu trên. Chi tiết công việc được thể hiện trong mục 2.2 phần I thuộc chương V và bản vẽ thiết kế.</p> | |
| | <p>Không có hoặc có giải pháp kỹ thuật và bản vẽ biện pháp thi công không đúng, không đầy đủ từng hạng mục và từng công tác theo yêu cầu nêu trên, thuyết minh không hợp lý, không khả thi và không phù hợp với tiến độ thi công và hiện trạng công trình thi công.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>Kết luận</p> | <p>Tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.2, 1.3 đánh giá là đạt</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</p> | <p>Không đạt</p> |

2. Tiến độ thi công

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| 2.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian 210 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công | Có tiến độ và biểu đồ tiến độ thi công đề xuất thời gian thi công không vượt quá 210 ngày. | Đạt |
| | Có tiến độ và biểu đồ tiến độ thi công đề xuất về thời gian thi công vượt quá 210 ngày. | Không đạt |
| 2.2. Tính phù hợp: 1. Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công (có biểu đồ tiến độ kèm theo) 2. Giữa bố trí vật tư, thiết bị thi công và tiến độ thi công (có biểu đồ tiến độ kèm theo) | Có biểu đồ nhân sự, vật tư và thiết bị thi công hợp lý và phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | Đạt |
| | Không có Biểu đồ nhân sự, vật tư và thiết bị thi công hoặc có Biểu đồ nhân sự, vật tư và thiết bị thi công nhưng không hợp lý, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc thiếu các một trong các biểu đồ trên. | Không đạt |
| 2.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, phù hợp với yêu cầu tiến độ của gói thầu. | Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E- HSMT, phù hợp với yêu cầu tiến độ của gói thầu. | Đạt |
| | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chuẩn chi tiết 2.1, 2.2, 2.3 đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

3. Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----|
| 3.1. Tổ chức bộ máy Ban Chỉ huy công trường: | Có sơ đồ tổ chức Ban chỉ huy công trường, nêu rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng nhân sự trong ban chỉ huy công trường | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----------|
| | Không có sơ đồ tổ chức Ban chỉ huy công trường, không nêu rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của từng nhân sự trong ban chỉ huy công trường | Không đạt |
| 3.2. Tổ chức thực hiện công tác thí nghiệm, kiểm tra | Có bố trí phòng thí nghiệm xây dựng, kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp nhà thầu thuê phải có ký kết hợp đồng nguyên tắc với phòng thí nghiệm có đủ điều kiện năng lực để thực hiện theo quy định. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu | Không đạt |
| 3.3. Tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ quản lý thi công xây dựng công trình. | Nhà thầu có cam kết nộp đầy đủ hồ sơ quản lý chất lượng, hoàn công bản cứng nộp chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng. | Đạt |
| | Không có cam kết | Không đạt |
| 3.4. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công. - Sơ đồ tổ chức quản lý chất lượng; quy trình thực hiện công tác bảo đảm chất lượng thi công công trình. - Biện pháp bảo đảm chất lượng tổng thể cho cả công trình; - Biện pháp kiểm tra, quản lý chất lượng cho từng công tác thi công, công tác nghiệm thu công việc. - Công tác kiểm tra hồ sơ, xử lý các sai sót các nội dung chưa rõ ràng, bất hợp lý của hồ sơ | Có thuyết minh đầy đủ biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. | Đạt |
| 3.5. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | Không có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng trình bày không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. | Không đạt |
| 3.6. An toàn lao động: Biện pháp an toàn lao | Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|---------------------|
| <p>động cho người, máy móc, thiết bị, vật tư cụ thể trong quá trình thi công.</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; - Biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công; - Biện pháp an toàn cho công trình lân cận; - An toàn giao thông ra vào công trường; - An toàn cho người tham gia lao động. | <p>thi công.</p> <p>Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng trình bày không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>3.7. Phòng cháy, chữa cháy:</p> <p>Biện pháp phòng cháy, chữa cháy trong quá trình thi công và khu vực để vật tư, thiết bị.</p> | <p>Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng trình bày không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>3.8. Vệ sinh môi trường:</p> <p>Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhằm hạn chế và giảm thiểu ô nhiễm đến môi trường xung quanh trong quá trình thi công.</p> | <p>Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng trình bày không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>3.9. Giải pháp thu gom và vận chuyển xử lý phế thải:</p> <p>Quản lý chất thải rắn xây dựng</p> | <p>Nhà thầu cam kết: Thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý chất thải rắn xây dựng.</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Nhà thầu không cam kết hoặc có cam kết nhưng không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về quản lý chất thải rắn xây dựng.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>Kết luận</p> | <p>Tiêu chuẩn chi tiết 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6, 3.7, 3.8, 3.9 đều được xác định là đạt.</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định</p> | <p>Không</p> |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-------------------------|-----------------------|------------|
| | là không đạt. | đạt |

4. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----------|
| Thời gian bảo hành, bảo trì công trình | Có đề xuất thời gian bảo hành ≥ 12 tháng, giá trị bảo hành 5%. Có nêu phương pháp bảo trì công trình nhằm đảm bảo tuổi thọ công trình theo thiết kế. | Đạt |
| | Có đề xuất thời gian bảo hành < 12 tháng, giá trị bảo hành $< 5\%$ hoặc không nêu thời gian bảo hành hoặc giá trị bảo hành, không nêu hoặc nêu phương pháp bảo trì công trình không phù hợp. | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

5. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----------|
| Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. | Nhà thầu có cam kết: + Nhà thầu không có các hành vi vi phạm trong quá trình tham dự thầu quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu vi phạm thì khi tham dự thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu đối với nhà thầu khác trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi quy định tại 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; + Nhà thầu không có các hợp đồng vi phạm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các thông tin về quá trình thực hiện hợp đồng. | Đạt |
| | Nhà thầu không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đủ các nội dung đáp ứng yêu cầu | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn chi tiết 1, 2, 3, 4, 5. Trường hợp Nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5 thì được

đánh giá là “Không đạt” và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.